

**CÔNG TY
CỔ PHẦN LOGISTICS VINALINK
VÀ CÔNG TY CON**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT
Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2017



**CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS VINALINK VÀ
CÔNG TY CON**

Địa chỉ: Số 145 - 147 Nguyễn Tất Thành,
Phường 13, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh

MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	01 - 02
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	03 - 04
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT	
Bảng cân đối kế toán hợp nhất vào ngày 30 tháng 06 năm 2017	05 - 06
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2017	07
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2017	08 - 09
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	10 - 31

1917
CÔNG
TY
LOGISTICS
VINALINK
CÔNG TY
CON

**CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS VINALINK VÀ
CÔNG TY CON**

Địa chỉ: Số 145 - 147 Nguyễn Tất Thành,
Phường 13, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30/06/2017

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Logistics Vinalink (dưới đây gọi tắt là "Công ty") hân hạnh đệ trình báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm đã được soát xét của Công ty và công ty con (dưới đây gọi chung là "Tập đoàn") cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2017.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Họ tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Vũ Thế Đức	Chủ tịch (Bổ nhiệm ngày 21/04/2017 và miễn nhiệm Phó Chủ tịch cùng ngày)
Ông Nguyễn Nam Tiến	Phó Chủ tịch (Bổ nhiệm ngày 21/04/2017 và miễn nhiệm Chủ tịch cùng ngày)
Bà Trần Thị Bình	Thành viên
Ông Đinh Quang Ngọc	Thành viên
Ông Trương Minh Long	Thành viên

Danh sách các thành viên Ban Kiểm soát trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Họ tên</u>	<u>Chức danh</u>
Bà Vũ Thị Bình Nguyên	Trưởng ban
Bà Trang Anh Xuân	Thành viên
Bà Phan Phương Tuyền	Thành viên

Danh sách các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Họ tên</u>	<u>Chức danh</u>
Ông Nguyễn Nam Tiến	Tổng Giám đốc
Ông Đinh Quang Ngọc	Phó Tổng Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất hàng kỳ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất cũng như kết quả kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn trong kỳ. Trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ Chuẩn mực kế toán áp dụng cho Tập đoàn có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Tập đoàn sẽ tiếp tục hoạt động liên tục; và
- Thiết kế và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế sai sót và gian lận.

**CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS VINALINK VÀ
CÔNG TY CON**

Địa chỉ: Số 145 - 147 Nguyễn Tất Thành,
Phường 13, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30/06/2017

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán được ghi chép phù hợp và lưu giữ đầy đủ để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại bất kỳ thời điểm nào và báo cáo tài chính hợp nhất được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam cũng như các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn tài sản của Tập đoàn và thực hiện những biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn xác nhận rằng Tập đoàn đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập báo cáo tài chính hợp nhất.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán & Tư Vấn RSM Việt Nam, thành viên RSM Quốc tế.

CÔNG BỐ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty công bố rằng, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại ngày 30 tháng 06 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc



Nguyễn Nam Tiên
Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 08 năm 2017

Số: 18.129HN/BCSX-RSM HCM

**BÁO CÁO SOÁT XÉT
THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ****Kính gửi: Các cổ đông**
CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS VINALINK

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Logistics Vinalink (dưới đây gọi tắt là "Công ty") và công ty con (cùng với Công ty dưới đây gọi chung là "Tập đoàn"), được lập ngày 22 tháng 08 năm 2017 từ trang 05 đến trang 31, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 06 năm 2017, Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính hợp nhất giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của Tập đoàn thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

**BÁO CÁO SOÁT XÉT
THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Kết luận của kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Logistics Vinalink và công ty con tại ngày 30 tháng 06 năm 2017, và kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên

độ.



Lục Thị Vân
Phó Tổng Giám đốc

Số Giấy CN Đăng ký hành nghề kiểm toán:
0172-2016-026-1

Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam
TP. Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 08 năm 2017

Như đã trình bày tại Mục số 2.1 của Bản thuyết minh báo cáo tài chính, báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước ngoài Việt Nam.

**CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS VINALINK VÀ
CÔNG TY CON**

Địa chỉ: Số 145 - 147 Nguyễn Tất Thành,
Phường 13, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30/06/2017

Mẫu số B 01a - DN/HN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2017

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	TM	Tại ngày 30/06/2017	Tại ngày 01/01/2017
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		253.992.726.321	247.581.223.775
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	(4.1)	116.298.695.861	129.341.256.404
1. Tiền	111		48.153.599.229	68.206.733.729
2. Các khoản tương đương tiền	112		68.145.096.632	61.134.522.675
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		134.102.664.508	117.981.402.113
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	(4.2)	122.962.267.280	115.955.922.927
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		1.706.434.153	922.292.389
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	(4.3)	11.549.386.759	3.218.610.481
4. Dự phòng khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	137	(4.4)	(2.115.423.684)	(2.115.423.684)
III. Tài sản ngắn hạn khác	150		3.591.365.952	258.565.258
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		3.481.188.959	258.565.258
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		110.176.993	
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		89.240.892.035	86.852.151.791
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		16.667.086.166	16.634.086.166
1. Trả trước cho người bán dài hạn	212	(4.5)	7.973.352.207	7.973.352.207
2. Phải thu dài hạn khác	216	(4.3)	8.693.733.959	8.660.733.959
II. Tài sản cố định	220		10.302.712.486	11.925.284.526
1. Tài sản cố định hữu hình	221	(4.6)	10.302.712.486	11.925.284.526
+ Nguyên giá	222		40.054.972.825	40.054.972.825
+ Giá trị hao mòn lũy kế	223		(29.752.260.339)	(28.129.688.299)
III. Đầu tư tài chính dài hạn	250		61.679.348.379	57.306.539.431
1. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	(4.7)	60.953.198.379	56.580.389.431
2. Đầu tư dài hạn khác	253	(4.7)	726.150.000	726.150.000
IV. Tài sản dài hạn khác	260		591.745.004	986.241.668
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		591.745.004	986.241.668
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		343.233.618.356	334.433.375.566

(Xem trang tiếp sau)

**CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS VINALINK VÀ
CÔNG TY CON**

Địa chỉ: Số 145 - 147 Nguyễn Tất Thành,
Phường 13, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30/06/2017

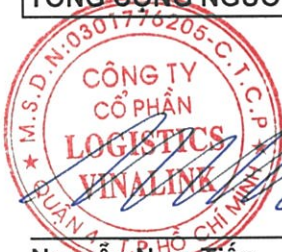
Mẫu số B 01a - DN/HN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2017

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	TM	Tại ngày 30/06/2017	Tại ngày 01/01/2017
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		146.491.439.172	143.852.294.443
I. Nợ ngắn hạn	310		73.011.872.172	75.123.927.443
1. Nợ phải trả người bán ngắn hạn	311	(4.8)	48.855.741.929	48.326.336.054
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		5.258.043.983	1.298.011.516
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	(4.9)	5.615.022.837	2.928.612.522
4. Phải trả người lao động	314	(4.10)	700.000.000	7.659.158.871
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	(4.11)	2.144.582.776	4.057.775.354
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	(4.12)	5.048.138.913	5.441.950.772
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	(4.13)	5.390.341.734	5.412.082.354
II. Nợ dài hạn	330		73.479.567.000	68.728.367.000
1. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	(4.14)	27.250.000.000	29.500.000.000
2. Phải trả dài hạn khác	337	(4.12)	46.229.567.000	39.228.367.000
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		196.742.179.184	190.581.081.123
I. Vốn chủ sở hữu	410	(4.15.1)	196.742.179.184	190.581.081.123
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		90.000.000.000	90.000.000.000
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		90.000.000.000	90.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		5.059.590.857	5.059.590.857
3. Vốn khác của chủ sở hữu	414		9.000.000.000	8.000.000.000
4. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		19.833.830	62.323.864
5. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		483.415.552	441.269.535
6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		92.179.338.945	87.017.896.867
LNST chưa phân phối lũy kế đến CK trước	421a		78.140.062.270	70.004.113.129
LNST chưa phân phối kỳ này	421b		14.039.276.675	17.013.783.738
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		343.233.618.356	334.433.375.566



Nguyễn Nam Tiến
Tổng giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 08 năm 2017

Nguyễn Anh Nam
Kế toán trưởng

Lê Thị Thanh Thanh
Người lập

**CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS VINALINK VÀ
CÔNG TY CON**

Địa chỉ: Số 145 - 147 Nguyễn Tất Thành,
Phường 13, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30/06/2017

Mẫu số B 02a - DN/HN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2017

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Kỳ này	Kỳ trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		393.273.392.166	327.571.846.639
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02			
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	(5.1)	393.273.392.166	327.571.846.639
4. Giá vốn hàng bán	11	(5.2)	377.001.485.823	310.442.835.757
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		16.271.906.343	17.129.010.882
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	(5.3)	3.091.081.568	3.325.320.310
7. Chi phí tài chính	22	(5.4)	1.051.861.471	2.422.357.320
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết	24	(5.5)	5.018.879.847	4.439.889.763
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	(5.6)	7.070.189.484	7.146.931.324
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		16.259.816.803	15.324.932.311
11. Thu nhập khác	31			
12. Chi phí khác	32		23.339.683	97.537.005
13. Lợi nhuận khác	40		(23.339.683)	(97.537.005)
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		16.236.477.120	15.227.395.306
16.1 Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	(5.7)	2.197.200.445	2.183.833.183
16.2 Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52			
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		14.039.276.675	13.043.562.123
17.1 Lợi ích của cổ đông thiểu số	61			
17.2 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của Công ty mẹ	62		14.039.276.675	13.043.562.123
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu của Công ty mẹ	70	(4.15.4)	1.560	992
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu của Công ty mẹ	70	(4.15.4)	1.560	992



Nguyễn Nam Tiến
Tổng giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 08 năm 2017

Nguyễn Anh Nam
Kế toán trưởng

Lê Thị Thanh Thanh
Người lập

**CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS VINALINK VÀ
CÔNG TY CON**

Địa chỉ: Số 145 - 147 Nguyễn Tất Thành,
Phường 13, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30/06/2017

Mẫu số B 03a - DN/HN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2017

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Kỳ này	Kỳ trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		16.236.477.120	15.227.395.306
2. Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao TSCĐ	02	(4.6)	1.622.572.040	1.522.579.122
Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(240.913.083)	500.715.546
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(6.616.625.231)	(6.158.719.261)
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		11.001.510.846	11.091.970.713
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(12.348.888.601)	16.300.429.924
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11		(640.531.416)	(27.716.184.838)
Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(2.828.127.037)	(3.566.471.646)
Tiền thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(4.9)	(2.486.810.660)	(5.354.506.140)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(428.840.620)	(636.510.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(7.731.687.488)	(9.881.271.987)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài	21	(4.6)		(3.145.901.818)
2. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của các đơn vị khác	24			900.000.000
3. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25			(900.000.000)
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		1.742.445.384	11.592.950.464
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		1.742.445.384	8.447.048.646

(Xem trang tiếp sau)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2017

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Kỳ này	Kỳ trước
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(7.200.000.000)	(7.200.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(7.200.000.000)	(7.200.000.000)
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG NĂM	50		(13.189.242.104)	(8.634.223.341)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		129.341.256.404	133.330.165.061
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		146.681.561	(118.621.186)
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI NĂM	70	(4.1)	116.298.695.861	124.577.320.534



Nguyễn Nam Tiến
Tổng giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 08 năm 2017

Nguyễn Anh Nam
Kế toán trưởng

Lê Thị Thanh Thanh
Người lập

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Logistics Vinalink trước đây là Xí Nghiệp Đại Lý Vận Tải Và Gom Hàng, được thành lập theo:

- Quyết định số 0776/1999/QĐ/BTM ngày 24 tháng 06 năm 1999 về chuyển đổi Xí Nghiệp Đại Lý Vận Tải Và Gom Hàng thành công ty cổ phần có tên gọi là Công ty Cổ phần Giao Nhận Vận Tải Và Thương Mại và Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh lần đầu số 064162 ngày 31 tháng 07 năm 1999 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.
- Ngày 22 tháng 05 năm 2014, Công ty Cổ phần Giao Nhận Vận Tải Và Thương Mại được chuyển đổi thành Công ty Cổ phần Logistics Vinalink theo Giấy Chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp số 0301776205 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp và các Giấy phép thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là vào ngày 09 tháng 09 năm 2015.

Công ty chính thức được niêm yết giao dịch chứng khoán trên Trung tâm giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo Quyết định số 90/QĐ-SGDHCM ngày 10 tháng 08 năm 2009 do Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Trụ sở của Công ty được đặt tại số 145 - 147 Nguyễn Tất Thành, Phường 13, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp là 90 tỷ đồng.

Đến thời điểm 30 tháng 06 năm 2017, Công ty có đầu tư vào 01 công ty con, được trình bày tại mục 1.5 dưới đây (cùng với Công ty dưới đây gọi chung là "Tập đoàn").

Ngoài ra, đến thời điểm 30 tháng 06 năm 2017 Công ty còn có các đơn vị trực thuộc như sau:

- Chi nhánh tại Hà Nội được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh số 0113000049 ngày 29 tháng 12 năm. Sau đó, Giấy chứng nhận này được thay đổi bằng Giấy chứng nhận Đăng ký hoạt động chi nhánh số 0301776205-001 ngày 13 tháng 06 năm 2014 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp.
- Chi nhánh tại Hải Phòng được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh số 0213005696 ngày 22 tháng 09 năm 2009. Sau đó, Giấy chứng nhận này được thay đổi bằng Giấy chứng nhận Đăng ký hoạt động chi nhánh số 0301776205-002 ngày 30 tháng 05 năm 2014 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp.

Tổng số nhân viên của Tập đoàn tại ngày 30 tháng 06 năm 2017 là 360 người (31/12/2016: 370 người).

1.2. Lĩnh vực kinh doanh

Dịch vụ vận tải.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

1.3. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Theo các Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp, ngành nghề kinh doanh chính của Tập đoàn bao gồm:

- Kinh doanh kho bảo quản hàng hóa, vận tải hàng hóa;
- Kinh doanh các dịch vụ giao nhận vận tải, kho, gom hàng xuất nhập khẩu, dịch vụ thủ tục hải quan và các dịch vụ khác như tái chế, bao bì, mua bảo hiểm, giám định, kiểm kiện;
- Đại lý tàu biển, đại lý lưu cước, quản lý vỏ container cho các hãng tàu;
- Đại lý giao nhận cho các hãng giao nhận vận tải nước ngoài;
- Kinh doanh xuất nhập khẩu, nhận ủy thác xuất nhập khẩu hàng hóa theo quy định của pháp luật;
- Đại lý bán vé máy bay, đại lý vận chuyển hàng hóa;
- Kinh doanh vận tải đa phương thức;
- Đại lý vận tải hàng hóa hàng không, gửi hàng.

1.4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ kinh doanh thông thường của Tập đoàn là 12 tháng.

1.5. Công ty con trực tiếp được hợp nhất

Tên công ty con	Địa chỉ	Quyền biểu quyết của công ty mẹ	Tỷ lệ lợi ích của công ty mẹ
Công ty TNHH MTV Logistics Vinalink (Cambodia)	Regency, Complex C, Ground Floor, Unit 10 -11C/168, Samdach Monireth Blvd (St.217), Sangkat Tomnubteuk, Khan Chamkarmon, Phnom Penh, Cambodia	100%	100%

1.6. Các Công ty liên doanh, liên kết quan trọng được phản ánh trong Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu

STT	Tên công ty	Địa chỉ	Quyền biểu quyết của Công ty	Tỷ lệ lợi ích của Công ty
1.	Công ty Cổ phần Giao Nhận Vận Tải Miền Trung	Số 184, Đường Trần Phú, Quận Hải Châu, TP. Đà Nẵng	27,89%	27,89%
2.	Công ty TNHH Vận Tải Việt Nhật Konoike Vina	Số 18A, Đường Lưu Trọng Lư, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, TP.Hồ Chí Minh	25,00%	9,15%
3.	Công ty TNHH Dịch Vụ Đại Lý Vận Chuyển	Số 44, Đường Trường Sơn, Phường 2, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh	50,00%	51,00%
4.	Công ty TNHH Điều Hành Vận Chuyển Hàng Hóa Liên Kết LCM	Số 30, Đường Phan Thúc Duyện, Phường 4, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh	50,00%	30,00%
5.	Công ty TNHH RCL (Việt Nam)	Số 145 -147, Đường Nguyễn Tất Thành, Quận 4, TP. Hồ Chí Minh	33,33%	45,00%

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

STT	Tên công ty	Địa chỉ	Quyền biểu quyết của Công ty	Tỷ lệ lợi ích của Công ty
6.	Công ty Cổ phần Logistic Kim Thành	Lô KB13, Đường T5 Khu Thương mại - Công nghiệp Kim Thành, Phường Duyên Hải, TP. Lào Cai	30%	30%
7.	Công ty Cổ Phần Vận Chuyển Vinalink	147 Nguyễn Tất Thành, Phường 13, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh	40%	40%

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

2.1. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam.

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

2.2. Hình thức sổ kế toán áp dụng

Tập đoàn áp dụng hình thức kế toán Nhật ký chung.

2.3. Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Tập đoàn từ ngày 01/01 đến 31/12.

2.4. Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam.

2.5. Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất là báo cáo tài chính của Tập đoàn mà trong đó tài sản, nợ, nguồn vốn, doanh thu, chi phí và dòng tiền của công ty mẹ và công ty con được trình bày như một doanh nghiệp độc lập không tính đến ranh giới pháp lý của các công ty riêng biệt. Các báo cáo tài chính của các công ty con đã được lập cho cùng năm tài chính với công ty mẹ theo các chính sách kế toán thống nhất với các chính sách kế toán của công ty mẹ. Các bút toán điều chỉnh đã được thực hiện đối với bất kỳ chính sách kế toán nào có điểm khác biệt nhằm đảm bảo tính thống nhất giữa công ty con và công ty mẹ.

Phương pháp loại trừ giao dịch nội bộ

Tất cả các số dư và các giao dịch nội bộ, kể cả các khoản lãi chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại trừ hoàn toàn khi hợp nhất. Các khoản lỗ chưa thực hiện cũng được loại trừ trên báo cáo tài chính hợp nhất, trừ trường hợp chi phí gây ra khoản lỗ đó không thể thu hồi.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU ĐƯỢC ÁP DỤNG

3.1. Ngoại tệ

- Tỷ giá áp dụng đối với việc ghi nhận doanh thu và chi phí trong kế toán là tỷ giá của Ngân hàng Vietcombank.
- Tỷ giá áp dụng đối với việc ghi nhận các khoản tài sản và công nợ là tỷ giá hạch toán 22.600 VND/USD.
- Tỷ giá áp dụng khi đánh giá lại tài sản là tỷ giá mua ngoại tệ.
- Tỷ giá áp dụng khi đánh giá lại nợ phải trả là tỷ giá bán ngoại tệ.
- Các loại tỷ giá áp dụng trong giao dịch khác là tỷ giá hạch toán 22.600 VND/USD.

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được hạch toán theo tỷ giá hối đoái giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh trong quá trình thanh toán được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong kỳ. Số dư các khoản mục tiền, nợ phải thu, nợ phải trả có gốc ngoại tệ, ngoại trừ số dư các khoản trả trước cho người bán bằng ngoại tệ, số dư chi phí trả trước bằng ngoại tệ và số dư doanh thu nhận trước bằng ngoại tệ, được chuyển đổi sang đồng tiền hạch toán theo tỷ giá hối đoái giao dịch thực tế vào ngày lập bảng cân đối kế toán hợp nhất. Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ sau khi bù trừ tăng giảm được hạch toán vào kết quả kinh doanh hợp nhất trong kỳ.

3.2. Các ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định có ảnh hưởng đến các số liệu về tài sản, nợ phải trả và việc trình bày các tài sản và nợ tiềm tàng tại ngày 30/06/2017 cũng như các khoản doanh thu, chi phí cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30/06/2017. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3.3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

Các khoản tương đương tiền được xác định phù hợp với Chuẩn mực kế toán số 24 – Báo cáo lưu chuyển tiền tệ.

3.4. Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vốn vào đơn vị khác

Đầu tư vào công ty liên kết

Khoản đầu tư được phân loại là đầu tư vào công ty liên kết khi Tập đoàn nắm giữ trực tiếp hoặc gián tiếp từ 20% đến dưới 50% quyền biểu quyết của bên nhận đầu tư mà không có thỏa thuận khác.

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết được ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư vào công ty liên kết ban đầu được ghi nhận theo giá gốc. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí của các khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh. Sau đó, giá trị của khoản đầu tư được điều chỉnh tăng giảm tương ứng với phần sở hữu của Tập đoàn trong lãi lỗ của công ty liên kết sau ngày mua.

Các khoản phân phối từ công ty liên kết sau ngày mua được ghi giảm giá trị của khoản đầu tư.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Đầu tư vào công ty liên doanh

Khoản đầu tư được phân loại là đầu tư vào công ty liên doanh khi Tập đoàn có quyền đồng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công ty liên doanh được ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư vào công ty liên kết ban đầu được ghi nhận theo giá gốc. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí của các khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh. Sau đó, giá trị của khoản đầu tư được điều chỉnh tăng giảm tương ứng với phần sở hữu của Tập đoàn trong lãi lỗ của công ty liên doanh sau ngày mua.

Các khoản phân phối từ công ty liên doanh sau ngày mua được ghi giảm giá trị của khoản đầu tư.

Đầu tư khác

Khoản đầu tư được phân loại là đầu tư khác là các khoản đầu tư ngoài các khoản đầu tư vào công ty con, đầu tư vào công ty liên doanh, và đầu tư vào công ty liên kết.

Các khoản đầu tư khác được phản ánh theo giá gốc, bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư (nếu có). Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí của các khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Phương pháp lập dự phòng tổn thất đầu tư khác

Đối với các khoản đầu tư tài chính dài hạn khác

Dự phòng tổn thất đầu tư tài chính dài hạn khác được trích lập phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7 tháng 12 năm 2009 (Thông tư 228) và Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 06 năm 2013 sửa đổi, bổ sung Thông tư 228 của Bộ Tài chính. Theo đó, Tập đoàn phải trích lập dự phòng tổn thất đầu tư tài chính dài hạn nếu tổ chức kinh tế mà Tập đoàn đang đầu tư bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch theo phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích tối đa cho mỗi khoản đầu tư bằng số vốn đã đầu tư.

3.5. Nợ phải thu

Nguyên tắc ghi nhận

Các khoản phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu của khách hàng và các khoản phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Nguyên tắc dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán hoặc các khoản nợ có bằng chứng chắc chắn là không thu được. Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính.

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng phải thu khó đòi được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.6. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Nguyên tắc ghi nhận và xác định giá trị ban đầu

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Trường hợp mua tài sản cố định được kèm thêm thiết bị, phụ tùng thay thế thì xác định và ghi nhận riêng thiết bị, phụ tùng thay thế theo giá trị hợp lý và được trừ (-) khỏi nguyên giá tài sản cố định hữu hình.

Phương pháp khấu hao

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng dự tính của tài sản.

Thời gian khấu hao ước tính cho một số nhóm tài sản như sau:

	<u>Kỳ này</u>
▪ Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 25 năm
▪ Máy móc thiết bị	05 - 08 năm
▪ Phương tiện vận tải truyền dẫn	06 - 11 năm
▪ Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 08 năm

3.7. Nợ phải trả

Nợ phải trả được phân loại là phải trả người bán, phải trả nội bộ và phải trả khác theo nguyên tắc: Phải trả người bán là khoản phải trả có tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua bán hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua; Phải trả nội bộ là các khoản phải trả giữa đơn vị cấp trên và đơn vị cấp dưới trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc; Các khoản phải trả còn lại được phân loại là phải trả khác.

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, theo nguyên tệ và theo từng đối tượng.

Nợ phải trả được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

3.8. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả là khoản phải trả cho chi phí hoa hồng nhưng thực tế chưa chi trả được ghi nhận căn cứ vào các thông tin có được vào thời điểm cuối kỳ và các ước tính dựa vào thống kê kinh nghiệm.

3.9. Lương

Căn cứ trên Quỹ lương được duyệt của Hội đồng quản trị.

3.10. Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện được ghi nhận là lợi nhuận nhận trước từ hợp đồng hợp tác khai thác kinh doanh từ đối tác. Hàng kỳ tính, xác định và kết chuyển doanh thu chưa thực hiện vào doanh thu phù hợp với thời gian hợp tác được quy định trên hợp đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

3.11. Nguồn vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo phần chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu, chênh lệch giữa giá mua lại cổ phiếu quỹ và giá tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là một khoản phải trả trong năm vào ngày công bố cổ tức.

Quỹ dự trữ

Việc trích lập quỹ được thực hiện theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông Công ty.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

3.12. Doanh thu và thu nhập khác

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán của kỳ đó.

Lãi tiền gửi

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Thu nhập đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết

Kết quả kinh doanh của công ty liên doanh, liên kết được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất tương ứng với tỷ lệ sở hữu của Tập đoàn trong công ty liên doanh liên kết.

3.13. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ là tổng chi phí phát sinh của dịch vụ cung cấp trong kỳ theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu.

3.14. Chi phí tài chính

Khoản lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái của kỳ báo cáo được ghi nhận đầy đủ trong báo cáo tài chính hợp nhất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

3.15. Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuê môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng).

3.16. Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập tính thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành. Thuế suất thuế TNDN Công ty đang áp dụng là 20% đối với hoạt động kinh doanh chính.

Thuế giá trị gia tăng

Thuế Giá trị gia tăng của các hàng hóa và dịch vụ do Công ty cung cấp được tính theo các mức thuế như sau:

- | | |
|--|-----|
| ▪ Cước vận tải quốc tế | 0% |
| ▪ Dịch vụ liên quan vận tải đa phương thức | 10% |

Các loại thuế khác

Áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các báo cáo thuế của các Công ty trong Tập đoàn sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, dẫn đến số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

3.17. Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hợp nhất sau thuế của Tập đoàn sau khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ, không bao gồm số cổ phiếu được Tập đoàn mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

3.18. Lãi suy giảm trên cổ phiếu

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế của Tập đoàn sau khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ và tổng số cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm, không bao gồm số cổ phiếu được Tập đoàn mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

**CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS VINALINK VÀ
CÔNG TY CON**Địa chỉ: Số 145 - 147 Nguyễn Tất Thành,
Phường 13, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30/06/2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT****4.1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	Tại ngày 30/06/2017 VND	Tại ngày 01/01/2017 VND
Tiền mặt	2.159.329.000	6.657.444.777
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	40.716.140.685	61.549.288.952
Tiền đang chuyển	5.278.129.544	-
Các khoản tương đương tiền	68.145.096.632	61.134.522.675
Cộng	<u>116.298.695.861</u>	<u>129.341.256.404</u>

Các khoản tương đương tiền là các khoản tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng tại Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam và Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng.

4.2. Phải thu của khách hàng

	Tại ngày 30/06/2017 VND	Tại ngày 01/01/2017 VND
Ngắn hạn:		
Công nợ các đại lý nước ngoài	37.026.358.396	27.467.209.067
Công nợ Khối Đường biển	4.127.759.723	2.400.713.754
Công nợ Khối Hàng không	6.639.000.566	7.146.655.772
Công nợ Khối Logistics	5.455.618.152	6.343.854.741
Công nợ Khối Sale & Marketing	12.720.415.685	13.648.504.420
Công nợ của chi nhánh Hà Nội	50.398.401.506	52.680.807.319
<i>Cước</i>	26.627.005.353	29.547.523.280
<i>Dịch vụ</i>	16.648.585.038	16.753.745.533
<i>Thu trả hộ</i>	7.122.811.115	6.379.538.506
Công nợ của chi nhánh Hải Phòng	974.677.828	657.174.351
Công ty con	1.320.477.387	2.009.728.610
Các khoản khác	4.299.558.037	3.601.274.893
Cộng	<u>122.962.267.280</u>	<u>115.955.922.927</u>

**CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS VINALINK VÀ
CÔNG TY CON**

Địa chỉ: Số 145 - 147 Nguyễn Tất Thành,
Phường 13, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30/06/2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

4.3. Phải thu khác

	Tại ngày 30/06/2017		Tại ngày 01/01/2017	
	VND		VND	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ngắn hạn:				
Tạm ứng cho nhân viên làm hàng	9.973.026.600	-	2.145.233.587	-
Công ty TNHH Vận Tải Việt Nhật Konoike Vina (Japan) - Xem thêm mục 7	326.771.289	-	-	-
Phải thu khác	1.249.588.870	-	1.073.376.894	-
Cộng	11.549.386.759	-	3.218.610.481	-
Dài hạn:				
Đầu tư vào 127.132m ² đất ở Nhơn Trạch - Đồng Nai (*)	7.579.870.277	-	7.579.870.277	-
Ký cược, ký quỹ	1.113.863.682	-	1.080.863.682	-
Cộng	8.693.733.959	-	8.660.733.959	-

(*) Khoản phải thu dài hạn khác là khoản tạm ứng mua đất ở huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai do một số thành viên quản lý chủ chốt thay mặt Công ty đứng tên pháp lý - Xem thêm mục 7.

4.4. Nợ xấu

	Tại ngày 30/06/2017		Tại ngày 01/01/2017	
	VND		VND	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi	4.608.468.176	2.493.044.492	4.608.468.176	2.493.044.492

Giá trị các khoản nợ phải thu quá hạn theo thời gian quá hạn được chi tiết như sau:

	Tại ngày 30/06/2017		Tại ngày 01/01/2017	
	VND		VND	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Dư nợ từ 6 tháng - 1 năm	1.714.737.558	1.200.316.291	1.714.737.558	1.200.316.291
Dư nợ từ 1 - 2 năm	2.125.355.082	1.062.215.541	2.125.355.082	1.062.215.541
Dư nợ trên 2 năm	768.375.536	230.512.660	768.375.536	230.512.660
Cộng	4.608.468.176	2.493.044.492	4.608.468.176	2.493.044.492

**CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS VINALINK VÀ
CÔNG TY CON**

Địa chỉ: Số 145 - 147 Nguyễn Tất Thành,
Phường 13, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30/06/2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

4.5. Trả trước cho người bán dài hạn

Khoản trả trước cho người bán dài hạn là 2 khoản ứng trước như sau:

- Khoản ứng trước 60% giá trị hợp đồng cho Công ty Cổ phần Đầu Tư Xây Dựng Hiệp Phước Khánh về việc thực hiện dịch vụ chuyển nhượng quyền sử dụng đất, xin giấy phép đầu tư xây dựng kho bãi và nhà xưởng tại Xã Phước Hòa, Huyện Tân Thành, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu với số tiền là 3.087.000.000 đồng.
- Khoản ứng trước 18% giá trị hợp đồng cho Công ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Một Thành Viên Phú An Thạnh - Long An về việc thuê quyền sử dụng đất gắn với kết cấu hạ tầng trên đất tại Khu công nghiệp Bắc An Thạnh, Xã An Thạnh, Huyện Bến Lức, Tỉnh Long An với số tiền là 4.886.352.207 đồng.

4.6. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá:					
Tại ngày 01/01/2017	8.052.973.806	1.668.890.673	28.677.202.473	1.655.905.873	40.054.972.825
Tại ngày 30/06/2017	8.052.973.806	1.668.890.673	28.677.202.473	1.655.905.873	40.054.972.825
Giá trị hao mòn lũy kế					
Tại ngày 01/01/2017	7.387.828.494	1.405.226.096	17.951.489.257	1.385.144.452	28.129.688.299
Khấu hao trong năm	43.379.046	68.782.050	1.454.289.746	56.121.198	1.622.572.040
Tại ngày 30/06/2017	7.431.207.540	1.474.008.146	19.405.779.003	1.441.265.650	29.752.260.339
Giá trị còn lại					
Tại ngày 01/01/2017	665.145.312	263.664.577	10.725.713.216	270.761.421	11.925.284.526
Tại ngày 30/06/2017	621.766.266	194.882.527	9.271.423.470	214.640.223	10.302.712.486

Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 11.997.046.523 đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

4.7. Các khoản đầu tư tài chính

Đầu tư góp vốn vào công ty liên doanh liên kết được chi tiết như sau:

	Tại ngày 30/06/2017		Tại ngày 01/01/2017	
	Giá gốc	Giá trị theo phương pháp vốn chủ sở hữu	Giá gốc	Giá trị theo phương pháp vốn chủ sở hữu
Đầu tư vào công ty liên doanh:				
Công ty TNHH Vận Tải Việt Nhật Konoike Vina (Japan)	4.908.430.302	9.995.077.598	4.908.430.302	10.033.055.919
Công ty TNHH Điều Hành Vận Chuyển Hàng Hóa Liên Kết LCM	1.927.800.000	10.865.565.711	1.927.800.000	7.652.858.872
Công ty TNHH RCL (Việt Nam)	2.130.300.000	5.512.346.628	2.130.300.000	4.405.639.818
Công ty TNHH Dịch Vụ Đại Lý Vận Chuyển (Freight Consolidators)	3.680.051.500	6.106.837.093	3.680.051.500	6.236.871.233
Cộng	12.646.581.802	32.479.827.030	12.646.581.802	28.328.425.842
Đầu tư vào công ty liên kết:				
Công ty Cổ phần Giao Nhận Vận Tải Miền Trung (Vinatrans Đà Nẵng)	4.392.000.000	7.691.241.413	4.392.000.000	7.677.932.320
Công ty Cổ phần Logistic Kim Thành	19.120.589.000	18.615.241.618	19.120.589.000	18.495.747.222
Công ty Cổ Phần Vận Chuyển Vinalink	2.000.000.000	2.166.888.318	2.000.000.000	2.078.284.047
Cộng	25.512.589.000	28.473.371.349	25.512.589.000	28.251.963.589
Tổng cộng	38.159.170.802	60.953.198.379	38.159.170.802	56.580.389.431

**CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS VINALINK VÀ
CÔNG TY CON**Địa chỉ: Số 145 - 147 Nguyễn Tất Thành,
Phường 13, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Đầu tư vào đơn vị khác là khoản đầu tư vào công ty TNHH Vận Tải Ô Tô Vinatrans với tỷ lệ góp vốn là 9,81%.

Tại ngày báo cáo, Tập đoàn chưa xác định được giá trị hợp lý của khoản đầu tư vào đơn vị khác này để thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện chưa có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của khoản đầu tư vào đơn vị khác này có thể khác với giá trị ghi sổ.

4.8. Phải trả người bán

	Tại ngày 30/06/2017 VND		Tại ngày 01/01/2017 VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Ngắn hạn:				
Văn phòng Hồ Chí Minh	22.371.419.723	22.371.419.723	23.002.974.775	23.002.974.775
Chi nhánh Hà nội	24.018.152.956	24.018.152.956	24.455.259.506	24.455.259.506
Chi nhánh Hải Phòng	1.113.233.133	1.113.233.133	628.131.447	628.131.447
Công ty con	1.352.936.117	1.352.936.117	239.970.326	239.970.326
Cộng	<u>48.855.741.929</u>	<u>48.855.741.929</u>	<u>48.326.336.054</u>	<u>48.326.336.054</u>

4.9. Thuế và các khoản phải thu/phải nộp Nhà nước

	Tại ngày 01/01/2017 VND	Số phải nộp trong năm VND	Số đã thực nộp trong năm VND	Tại ngày 30/06/2017 VND
Phải nộp:				
Thuế giá trị gia tăng	731.250.967	3.439.748.468	3.656.134.654	514.864.781
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	1.552.611.728	2.197.172.890	2.486.810.660	1.262.973.958
Thuế thu nhập cá nhân	457.226.903	1.800.258.491	1.951.620.665	305.864.729
Tiền thuế đất và thuế đất	-	6.932.286.990	3.508.935.390	3.423.351.600
Các loại thuế khác	187.522.924	989.485.302	1.069.040.457	107.967.769
Cộng	<u>2.928.612.522</u>	<u>15.358.952.141</u>	<u>12.672.541.826</u>	<u>5.615.022.837</u>

4.10. Phải trả người lao động

Là quỹ lương còn phải trả cho người lao động.

**CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS VINALINK VÀ
CÔNG TY CON**Địa chỉ: Số 145 - 147 Nguyễn Tất Thành,
Phường 13, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**4.11. Chi phí phải trả**

	Tại ngày 30/06/2017 VND	Tại ngày 01/01/2017 VND
Ngắn hạn		
Chi phí hoa hồng	2.118.071.627	1.657.768.519
Cước vận chuyển, phí làm hàng	-	2.400.006.835
Chi phí khác	26.511.149	-
Cộng	2.144.582.776	4.057.775.354

4.12. Phải trả khác

	Tại ngày 30/06/2017 VND	Tại ngày 01/01/2017 VND
Ngắn hạn:		
Hoa hồng phải trả đại lý	4.239.627.979	5.107.204.047
Các khoản phải trả, phải nộp khác	808.510.934	334.746.725
Cộng	5.048.138.913	5.441.950.772
Dài hạn:		
Tạm ứng tiền đền bù di dời (*)	32.800.000.000	32.800.000.000
Nhận tiền ứng trước hợp đồng chuyển nhượng 127.132m ² đất ở Huyện Nhơn Trạch - Đồng Nai	13.100.000.000	6.100.000.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	329.567.000	328.367.000
Cộng	46.229.567.000	39.228.367.000

(*) Là khoản tiền tạm ứng 80% tổng giá trị đền bù di dời phục vụ dự án chuyển đổi công năng và khai thác kho bãi khu vực 145-147 Nguyễn Tất Thành mà Công ty Cổ Phần Đường Khánh Hội đã trả Công ty Cổ Phần Logistics Vinalink theo hợp đồng nguyên tắc số 2392/HĐĐB.14 ngày 14 tháng 11 năm 2014 - xem thêm mục 10.

4.13. Quỹ khen thưởng phúc lợi

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Số dư đầu năm	5.412.082.354	3.418.441.427
Trích lập trong năm	578.600.000	4.115.000.000
Sử dụng trong năm	(600.340.620)	(1.604.269.073)
Số dư cuối năm	5.390.341.734	5.929.172.354

4.14. Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện dài hạn là khoản doanh thu cho thuê kho bãi nhận trước theo hợp đồng số 2391/HĐHT.12 ngày 14 tháng 11 năm 2014 - xem thêm mục 10.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

4.15. Vốn chủ sở hữu

4.15.1. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

	Các khoản mục thuộc vốn chủ sở hữu									Cộng
	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư và phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận chưa phân phối	
	Triệu đồng	Triệu đồng	Triệu đồng	Triệu đồng	Triệu đồng	Triệu đồng	Triệu đồng	Triệu đồng	Triệu đồng	Triệu đồng
Tại ngày 01/01/2016	90.000	4.955	7.000	-	44	-	-	395	87.603	189.997
Lợi nhuận 6 tháng đầu năm trước	-	-	-	-	-	-	-	-	13.044	13.044
Chia cổ tức 6 tháng đầu năm trước	-	-	-	-	-	-	-	-	(11.700)	(11.700)
Giảm khác	-	-	-	-	(8)	-	-	68	(1.104)	(1.044)
Trích lập quỹ	-	-	1.000	-	-	-	-	-	(1.000)	-
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-	-	-	-	(4.115)	(4.115)
Tại ngày 30/06/2016	90.000	4.955	8.000	-	36	-	-	463	82.728	186.182
Lợi nhuận 6 tháng cuối năm trước	-	-	-	-	-	-	-	-	10.269	10.269
Tăng khác	-	105	-	-	26	-	-	(22)	321	430
Chia cổ tức 6 tháng cuối năm trước	-	-	-	-	-	-	-	-	(6.300)	(6.300)
Tại ngày 01/01/2017	90.000	5.060	8.000	-	62	-	-	441	87.018	190.581
Lợi nhuận 6 tháng đầu năm nay	-	-	-	-	-	-	-	-	14.039	14.039
Chia cổ tức 6 tháng đầu năm nay	-	-	-	-	-	-	-	-	(7.200)	(7.200)
Giảm khác	-	-	-	-	(42)	-	-	42	(99)	(99)
Trích lập Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	-	-	1.000	-	-	-	-	-	(1.000)	-
Trích lập Quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-	-	-	-	(579)	(579)
Tại ngày 30/06/2017	90.000	5.060	9.000	-	20	-	-	483	92.179	196.742

**CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS VINALINK VÀ
CÔNG TY CON**Địa chỉ: Số 145 - 147 Nguyễn Tất Thành,
Phường 13, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30/06/2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**4.15.2. Cổ phiếu**

	<u>Tại ngày 30/06/2017</u>	<u>Tại ngày 01/01/2017</u>
Số lượng cổ phiếu phổ thông đăng ký phát hành	9.000.000	9.000.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã bán ra công chúng:	9.000.000	9.000.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông được mua lại (cổ phiếu quỹ)	-	-
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	9.000.000	9.000.000

Mệnh giá cổ phần đang lưu hành: 10.000 VND/ cổ phần.

4.15.3. Cổ tức đã trả

	<u>Kỳ này VND</u>	<u>Kỳ trước VND</u>
Cổ tức đã trả của cổ phiếu phổ thông	7.200.000.000	7.200.000.000

4.15.4. Lãi cơ bản trên cổ phiếu và lãi suy giảm trên cổ phiếu

	<u>Kỳ này VND</u>	<u>Kỳ trước VND</u>
Lợi nhuận hợp nhất phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty mẹ	14.039.276.675	13.043.562.123
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	(4.115.000.000)
Lợi nhuận để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu	<u>14.039.276.675</u>	<u>8.928.562.123</u>
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân gia quyền trong năm	9.000.000	9.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS) và lãi suy giảm trên cổ phiếu (DEPS)	<u>1.560</u>	<u>992</u>

Lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu năm nay chưa bao gồm số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi ước tính sẽ trích năm 2017.

4.15.5. Các khoản mục ngoài Bảng Cân đối kế toán

	<u>Tại ngày 30/06/2017</u>	<u>Tại ngày 01/01/2017</u>
Ngoại tệ các loại: USD	1.558.643,02	2.214.789,59

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH HỢP NHẤT

5.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Doanh thu:		
Dịch vụ hàng không	97.209.962.434	70.564.001.728
Dịch vụ đường biển	40.207.120.246	38.461.046.843
Dịch vụ logistics	73.702.518.128	51.825.965.188
Chi nhánh Hà Nội	152.051.762.196	133.785.662.813
Chi nhánh Hải Phòng	24.649.572.544	25.138.494.313
Công ty con	5.452.456.618	7.796.675.754
Cộng	<u>393.273.392.166</u>	<u>327.571.846.639</u>
Trong đó, doanh thu đối với các bên có liên quan - Xem thêm mục 7	580.110.618	762.830.199

5.2. Giá vốn hàng bán

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Giá vốn phòng hàng không	90.207.607.261	64.376.189.352
Giá vốn phòng đường biển	37.365.245.271	34.483.094.717
Giá vốn phòng logistics	68.783.069.933	50.481.468.653
Giá vốn chi nhánh Hà Nội	151.139.278.211	132.269.151.098
Giá vốn chi nhánh Hải Phòng	24.688.084.310	25.031.747.542
Giá vốn Công ty con	4.818.200.837	3.801.184.395
Cộng	<u>377.001.485.823</u>	<u>310.442.835.757</u>

5.3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lãi tiền gửi ngân hàng	1.485.445.384	1.718.829.498
Lãi chênh lệch tỷ giá	1.252.423.101	907.200.122
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	240.913.083	699.290.690
Cổ tức, lợi nhuận được chia	112.300.000	-
Cộng	<u>3.091.081.568</u>	<u>3.325.320.310</u>

5.4. Chi phí tài chính

Là khoản lỗ chênh lệch tỷ giá.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

5.5. Lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh liên kết

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lãi ghi nhận từ kết quả kinh doanh của Công ty liên doanh liên kết	5.018.879.847	4.439.889.763
Cộng	<u>5.018.879.847</u>	<u>4.439.889.763</u>

5.6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí nhân viên	4.068.333.545	3.844.793.019
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.890.951.721	2.291.593.769
<i>Tiền điện</i>	515.302.407	523.393.370
<i>Cước điện thoại</i>	123.905.338	123.920.185
<i>Công tác phí</i>	39.619.993	181.054.184
<i>Khác</i>	1.212.123.983	1.463.226.030
Các khoản chi phí QLDN khác	1.110.904.218	1.010.544.536
Cộng	<u>7.070.189.484</u>	<u>7.146.931.324</u>

5.7. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Là chi phí thuế TNDN tạm tính trên thu nhập chịu thuế kỳ này.

5.8. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí nhân công	26.231.770.496	25.156.539.094
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.622.572.040	1.522.579.122
Chi phí dịch vụ mua ngoài	271.087.069.371	225.082.787.645
Chi phí khác bằng tiền	85.130.263.400	65.827.861.220
Cộng	<u>384.071.675.307</u>	<u>317.589.767.081</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

6. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Nhằm phục vụ mục đích quản lý, Tập đoàn phân chia hoạt động của mình thành các bộ phận chính theo khu vực địa lý như sau:

- Thành phố Hồ Chí Minh
- Thành phố Hà Nội
- Khác bao gồm: Thành phố Hải Phòng và Vương quốc Campuchia

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 30 tháng 06 năm 2017

Đơn vị tính: Triệu đồng

	<u>Hồ Chí Minh</u>		<u>Hà Nội</u>		<u>Khác</u>		<u>Loại trừ</u>		<u>Tổng cộng</u>	
	Kỳ này	Kỳ trước	Kỳ này	Kỳ trước	Kỳ này	Kỳ trước	Kỳ này	Kỳ trước	Kỳ này	Kỳ trước
Doanh thu hợp nhất										
Từ khách hàng bên ngoài	211.120	160.851	152.052	133.786	30.101	32.935	-	-	393.273	327.572
Giữa các bộ phận	242	3.100	-	-	805	703	(1.047)	(3.803)	-	-
Cộng	211.362	163.951	152.052	133.786	30.906	33.638	(1.047)	(3.803)	393.273	327.572
Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất										
Kết quả của bộ phận	9.103	5.851	912	1.517	(814)	2.614	-	-	9.201	9.982
Lợi nhuận trước thuế, thu nhập tài chính và chi phí tài chính									9.201	9.982
Thu nhập tài chính									3.091	3.325
Chi phí tài chính									(1.052)	(2.422)
Lợi nhuận khác									(23)	(97)
Phần lợi ích trong công ty liên doanh liên kết									5.019	4.440
Thuế thu nhập doanh nghiệp									(2.197)	(2.184)
Lợi nhuận hợp nhất sau thuế									14.039	13.044

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thông tin khác

Đơn vị tính: Triệu đồng

	<u>Hồ Chí Minh</u>		<u>Hà Nội</u>		<u>Khác</u>		<u>Loai trừ</u>		<u>Tổng cộng</u>	
	Tại ngày 30/06/2017	Tại ngày 01/01/2017	Tại ngày 30/06/2017	Tại ngày 01/01/2017	Tại ngày 30/06/2017	Tại ngày 01/01/2017	Tại ngày 30/06/2017	Tại ngày 01/01/2017	Tại ngày 30/06/2017	Tại ngày 01/01/2017
Tài sản của bộ phận	282.202	266.913	56.613	59.738	10.401	10.652	(5.982)	(2.870)	343.234	334.433
Tổng tài sản hợp nhất									343.234	334.433
Nợ phải trả của bộ phận	110.048	107.307	49.902	52.472	4.638	4.838	(18.097)	(20.765)	146.491	143.852
Tổng nợ phải trả hợp nhất									146.491	143.852
	<u>Hồ Chí Minh</u>		<u>Hà Nội</u>		<u>Khác</u>		<u>Loai trừ</u>		<u>Tổng cộng</u>	
	Kỳ này	Kỳ trước	Kỳ này	Kỳ trước	Kỳ này	Kỳ trước	Kỳ này	Kỳ trước	Kỳ này	Kỳ trước
Chi phí mua sắm tài sản	-	3.146	-	-	-	-	-	-	-	3.146
Chi phí khấu hao	1.049	912	265	285	309	326	-	-	1.623	1.523

(Xem trang tiếp sau)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

7. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN CÓ LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan

<u>Danh sách các bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
1. Công ty Cổ phần Giao Nhận Vận Tải Miền Trung (Vinatrans Đà Nẵng)	Công ty liên kết
2. Công ty TNHH Điều hành vận chuyển Hàng Hóa Liên Kết LCM	Công ty liên doanh
3. Công ty TNHH Vận Tải Việt Nhật Konoike Vina (Japan)	Công ty liên doanh
4. Công ty TNHH Dịch Vụ Đại Lý Vận Chuyển (Freight Consolidators)	Công ty liên doanh
5. Công ty TNHH RCL (Việt Nam)	Công ty liên doanh
6. Thành viên Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc	Nhân viên quản lý chủ chốt

Giao dịch nội bộ giữa các công ty trong Tập đoàn đã được loại trừ toàn bộ trong quá trình hợp nhất.

Tại ngày lập bảng cân đối kế toán, số dư phải thu với các bên liên quan như sau:

	Tại ngày 30/06/2017 VND	Tại ngày 01/01/2017 VND
Phải thu khác - Xem thêm mục 4.3		
Công ty TNHH Vận tải Việt Nhật Konoike Vina (Japan)	326.771.289	-
Một số thành viên quản lý chủ chốt	7.579.870.277	7.579.870.277

Bản chất các giao dịch quan trọng và giá trị giao dịch với các bên có liên quan trong năm như sau:

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Cung cấp dịch vụ - Xem thêm mục 5.1		
Công ty TNHH RCL (Việt Nam)	288.712.154	332.610.667
Công ty TNHH Vận tải Việt Nhật Konoike Vina (Japan)	218.956.613	190.210.795
Công ty Cổ phần Giao nhận vận tải miền Trung (Vinatrans Đà Nẵng)	47.334.388	211.571.467
Công ty TNHH Điều hành vận chuyển Hàng Hóa Liên Kết LCM	25.107.618	28.437.270
Cộng	580.110.773	762.830.199
Sử dụng dịch vụ:		
Công ty TNHH RCL (Việt Nam)	939.178.579	380.630.000
Công ty TNHH Dịch Vụ Đại Lý Vận Chuyển (Freight Consolidators)	610.930.305	11.056.765
Các bên liên quan khác	76.993.067	101.530.829
Cộng	1.627.101.951	493.217.594
	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Góp vốn	-	900.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Thù lao Hội đồng quản trị và thu nhập của Ban Tổng Giám đốc:

	<u>Kỳ này VND</u>	<u>Kỳ trước VND</u>
Thù lao Hội đồng quản trị	334.000.000	367.500.000
Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc	1.166.255.942	1.348.946.931
Cộng	<u>1.500.255.942</u>	<u>1.716.446.931</u>

8. THU NHẬP CỦA BAN KIỂM SOÁT

	<u>Kỳ này VND</u>	<u>Kỳ trước VND</u>
Tiền lương và các chi phí hoạt động	75.000.000	93.000.000

9. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có các sự kiện quan trọng xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đến ngày phát hành báo cáo tài chính hợp nhất.

10. THUYẾT MINH KHÁC

Ngày 14 tháng 11 năm 2014, Công ty cổ phần Logistic Vinalink có ký kết Hợp đồng hợp tác khai thác kinh doanh số 2391/HĐHT.12 và Hợp đồng nguyên tắc số 2392/HĐĐB.14 ngày 14 tháng 11 năm 2014 về việc đền bù di dời phục vụ dự án tại số 145-147 Nguyễn Tất Thành, Phường 13, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh với Công ty Cổ phần Đường Khánh Hội. Theo đó, Công ty cổ phần Logistic Vinalink sẽ góp vốn bằng toàn bộ tài sản theo hiện trạng tại văn phòng Công ty (gồm toàn bộ hệ thống kho với tổng diện tích sàn kho 9.397,08 m², văn phòng làm việc, nhà bếp, nhà ăn, toàn bộ sân xi măng bên trong khuôn viên và các hạng mục phụ trợ như hệ thống chiếu sáng, hệ thống PCCC, hệ thống cấp thoát nước, tường rào, trạm điện hiện diện trên khu đất) để Công ty Cổ phần Đường Khánh Hội quản lý, khai thác. Công ty cổ phần Logistic Vinalink sẽ bàn giao cho Công ty Cổ phần Đường Khánh Hội toàn bộ tài sản trên khu đất và từ chối mọi quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến tài sản trên khu đất bao gồm cả quyền quản lý, khai thác khu đất khi cơ quan thẩm quyền chấp thuận chủ trương cho Công ty Cổ phần Đường Khánh Hội được làm chủ đầu tư dự án. Việc di dời các hoạt động hiện tại của Công ty Cổ phần Logistics Vinalink đi nơi khác sẽ được thực hiện chậm nhất 24 tháng sau ngày ký kết các hợp đồng này.

Đến ngày 30 tháng 06 năm 2017, Công ty vẫn chưa di dời hoạt động sang nơi khác theo thỏa thuận ban đầu do dự án chưa được triển khai.



Nguyễn Nam Tiến
Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 08 năm 2017

Nguyễn Anh Nam
Kê toán trưởng

Lê Thị Thanh Thanh
Người lập